

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-12-2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàng Hân và ông Nguyễn Duy Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh ngày 15/9/1995 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 096195002.....

Địa chỉ: ấp NM, xã PNH, tỉnh Cà Mau;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh ngày 09/9/1993 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 096093002.....

Địa chỉ: Ấp A, xã ĐM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:* Năm 2013, sau khi quen biết, tìm hiểu và được sự thống nhất của hai gia đình, bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện đi đến hôn nhân và sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau vào ngày 18/01/2016. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, quan điểm bất đồng trầm trọng. Nguyên nhân do ông B không quan tâm, chăm lo xây dựng gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Mặc dù được gia đình hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Nay bà xét thấy hôn nhân giữa bà với ông B không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không còn tình cảm với ông B, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên khởi kiện xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 31/3/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 12/5/2015. Hiện 02 con đang do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02

con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị N tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Hôn nhân ban đầu hạnh phúc cho đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, quan điểm bất đồng trầm trọng không thể hàn gắn, đoàn tụ được nên ông bà quyết định sống ly thân nhau. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 31/3/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 12/5/2015. Hiện 02 con đang do bà N nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn nguyện vọng con theo ai người đó nuôi dưỡng, tuy nhiên hiện công việc của ông thường xuyên đi làm ăn xa nên không đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi con, nên ông tự nguyện giao 02 con cho bà N nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N và ông B vắng mặt có văn bản không tham gia hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông B tự nguyện kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay là xã Phan Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau) vào ngày 18/01/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N xác định đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông B; ông B đồng ý ly hôn với bà N. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của ông bà là thực tế có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 31/3/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 12/5/2015. Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao 02 con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của 02 con nên được ghi nhận.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N. Cho bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 31/3/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 12/5/2015 cho bà Bùi Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu nên không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình bà N phải chịu 300.000 đồng, bà đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002459 ngày 17/10/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu, bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau;
- UBND xã Phan Ngọc Hiền;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên

